BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

*****

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH VIỆT NAM HỌC

Hải Dương, 2020

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Việt Nam học
Ngành đào tạo : Việt Nam học
(Vietnamese studies)
Mã ngành : 7310630
Trình độ đào tạo : Đại học

*(Ban hành theo Quyết định số **405**/QĐ-ĐHSĐ, ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên ngành Việt Nam học (chuyên ngành Hướng dẫn du lịch) có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng; có sức khỏe; có kiến thức tổng quan về các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa - lịch sử, địa lí, tài nguyên, môi trường; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; có khả năng tổ chức, quản lí và kinh doanh các dịch vụ du lịch; Có năng lực tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc đạt bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; có khả năng tự học; có kỹ năng làm việc hiệu quả, thích ứng với các điều kiện làm việc; có trách nhiệm với bản thân, xã hội. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng đại học ngành Việt Nam học, đảm nhận được các vị trí công việc như: Hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh viên tại điểm, cán bộ văn phòng, lễ tân của các doanh nghiệp du lịch và các phòng, ban, cơ quan văn hoá, du lịch ở các địa phương.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn

1.2.1.1b. Có kiến thức nền tảng về khoa học, xã hội - nhân văn và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.1c. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc của ngành

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2.a. Có nhận thức đúng về chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực chuyên môn; Có kiến thức toàn diện và sâu rộng về lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa - lịch sử, địa lí, tài nguyên, môi trường,... và áp dụng trong xây dựng, tổ chức các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và các lĩnh vực lữ hành khác.

1.2.1.2.b. Có trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn bậc 4 (tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tiếng Trung Quốc đạt HSK4).

1.2.1.2.c. Có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vững chắc để tổ chức và thực hiện các hoạt động hướng dẫn du lịch. Có kiến thức trong xây dựng, quản lý, điều hành các chương trình du lịch cũng như các hoạt động trong lĩnh vực lữ hành, ngành du lịch.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và xác định được các vấn đề về kinh tế - xã hội, văn hóa - lịch sử, địa lí, tài nguyên, môi trường và áp dụng trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình du lịch cũng như các lĩnh vực hoạt động lữ hành khác.

1.2.2.2. Có kỹ năng trong giao tiếp, vận dụng linh hoạt các chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn.

1.2.2.3. Có kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn (lập kế hoạch, xây dựng bài thuyết minh, hướng dẫn, tổ chức các sự kiện...) và xây dựng, quản lý, điều hành các chương trình du lịch, các hoạt động trong lĩnh vực lữ hành, ngành du lịch.

1.2.2.4. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đạt bậc 4/6 (khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam) hoặc tiếng Trung Quốc đạt HSK 4 trở lên.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và biết chịu trách nhiệm trong công việc. Có khả năng thích ứng kịp thời với những thay đổi điều kiện làm việc.

1.2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, dẫn dắt chuyên môn để giải quyết các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

1.2.3.3. Có năng lực định hướng, lập kế hoạch, tổ chức quản lý, giám sát và thực hiện công việc và có năng lực đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những kiến thức về lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và năng lực ngoại ngữ theo đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

2.1.3. Hiểu biết cơ bản về chính sách, pháp luật của Nhà nước; có kiến thức sâu rộng các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa - lịch sử, địa lí, tài nguyên, môi trường,... để xây dựng, tổ chức các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và các nghiệp vụ khác trong hoạt động lữ hành.

2.1.4. Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành để xây dựng, quản lý, tổ chức và thực hiện các chương trình du lịch.

2.1.5. Có kiến thức nghiệp vụ hướng dẫn và áp dụng được trong việc thực hiện các chương trình du lịch, các lĩnh vực trong hoạt động lữ hành.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các thông tin và nhận định

được sự phát triển du lịch của Việt Nam, thế giới và áp dụng đúng những chính sách, pháp luật của Nhà nước trong hoạt động nghề nghiệp.

2.2.2. Vận dụng linh hoạt các kiến thức về kinh tế - xã hội, văn hóa - lịch sử, địa lí, tài nguyên, môi trường và chính sách pháp luật trong xây dựng, thực hiện các chương trình du lịch cũng như các lĩnh vực hoạt động lữ hành khác.

2.2.3. Có năng lực quản lý, điều hành và sáng tạo trong xây dựng, thiết kế các chương trình du lịch. Thành thạo trong thực hiện nghiệp vụ hướng dẫn.

2.2.4. Thành thạo và linh hoạt trong giao tiếp, có khả năng hoạt ngôn, hoạt náo và ứng xử phù hợp trong xử lý các tình huống nghề nghiệp.

2.2.5. Có năng lực ngoại ngữ đạt bậc 4/6 (khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam) hoặc tiếng Trung Quốc đạt HSK 4 trở lên.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, tự chịu trách nhiệm trước bản thân, nhóm. Có khả năng thích ứng với mọi sự thay đổi của môi trường công việc.

2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực du lịch.

2.3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các hoạt động chuyên môn và đánh giá, cải thiện hiệu quả kết quả công việc

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 146 tín chỉ (không tính học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Kỹ năng mềm).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (đào tạo chính quy, tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**	**69**	**51**	**18**
8.1.1		**Lý luận chính trị**	**11**	**11**	**0**
1	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
4	CTRI 004	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8.1.2		**Khoa học xã hội - nhân văn**	**10**	**10**	**0**
8.1.2.1		PHẦN BẮT BUỘC	6	6	0
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
7	KHXH 014	Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	2	2	0
8	KHXH 015	Xã hội học đại cương	2	2	0
8.1.2.2		TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 1 *(chọn 2 trong 3 học phần sau)*	4	4	0
9	KHXH 003	*Kỹ năng giao tiếp*	2	2	0
10	KHXH 007	*Phương pháp nghiên cứu khoa học*	2	2	0
11	KHXH 017	*Môi trường và phát triển*	2	2	0
8.1.3		**Ngoại ngữ** *(chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)*	**12**	**12**	**0**
8.1.3.1		**Tiếng Anh**			
12	TANH 021	Tiếng Anh giao tiếp 1	4	4	0
13	TANH 022	Tiếng Anh giao tiếp 2	4	4	0
14	TANH 023	Tiếng Anh giao tiếp 3	4	4	0
8.1.3.2		**Tiếng Trung Quốc**			
15	TTRUNG 009	Tiếng Trung giao tiếp 1	4	4	0
16	TTRUNG 010	Tiếng Trung giao tiếp 2	4	4	0
17	TTRUNG 011	Tiếng Trung giao tiếp 3	4	4	0
8.1.4		**Tin học**	**4**	**2**	**2**
18	TINCB 001	Tin học cơ bản 1	2	1	1
19	TINCB 002	Tin học cơ bản 2	2	1	1
8.1.5		**Giáo dục thể chất**	**3**	**0**	**3**
20	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
21	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
22	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	1	0	1
8.1.6		**Giáo dục quốc phòng – An ninh**	**165h (4TC)**		

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
23	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng – An ninh	165h (4TC)		
8.1.7		**Kỹ năng mềm**	**12**	**6**	**8**
24		PHẦN BẮT BUỘC	12	6	2
25	KNM1	Kỹ năng mềm 1 và 2	4	2	2
26	KNM2	Kỹ năng mềm 3 và 4	4	2	2
27	KNM3	Kỹ năng mềm 5 và 6	4	2	2
28		PHẦN TỰ CHỌN			
29		TỰ CHỌN TÙY Ý			
30	KNM4	Kỹ năng mềm 7 và 8	4	2	
8.2		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**	**88**		
8.2.1		**Kiến thức cơ sở ngành**	**28**	**27**	**1**
31	QTKD 002	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	2	1	1
32	TANH 007	Tiếng Anh nâng cao 1	4	4	0
33	TANH 008	Tiếng Anh nâng cao 2	4	4	0
34	TTRUNG 012	Tiếng Trung nâng cao 1	4	4	0
35	TTRUNG 013	Tiếng Trung nâng cao 2	4	4	0
36	VNH 029	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0
37	VNH 002	Lịch sử tư tưởng Phương Đông và Việt Nam	3	3	0
38	VNH 003	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0
39	VNH 004	Nhập môn khu vực học	2	2	0
40	VNH 005	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2	2	0
41	VNH 006	Văn hóa Đông Nam Á	3	3	0
42	VNH 007	Văn học Việt Nam	2	2	0
8.2.2		**Kiến thức ngành**	**60**	**36**	**24**
8.2.2.1		PHẦN BẮT BUỘC	***48***	***24***	***24***
43	TANH 017	Tiếng Anh du lịch 1	3	2	1
44	TANH 018	Tiếng Anh du lịch 2	3	2	1
45	TANH 019	Tiếng Anh du lịch 3	4	3	1

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
46	TTRUNG 001	Tiếng Trung du lịch 1	3	2	1
47	TTRUNG 002	Tiếng Trung du lịch 2	3	2	1
48	TTRUNG 003	Tiếng Trung du lịch 3	4	3	1
49	VNH 008	Các dân tộc Việt Nam	3	2	1
50	VNH 009	Địa lý và tài nguyên du lịch	3	2	1
51	VNH 010	Hệ thống di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam	3	2	1
52	VNH 011	Lễ hội Việt Nam	2	2	0
53	VNH 012	Nhập môn khoa học du lịch	2	1	1
54	VNH 013	Nhiếp ảnh	2	1	1
55	VNH 014	Quy hoạch và phát triển du lịch	2	1	1
56	VNH 015	Tâm lý du lịch	3	3	0
57	VNH 016	Tổ chức hoạt náo trong hoạt động du lịch	3	0	3
58	VNH 017	Nghiệp vụ lữ hành	3	2	1
59	VNH 018	Lý thuyết nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	4	0
60	VNH 019	Tuyến điểm du lịch	3	2	1
61	VNH 020	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1	5	0	5
62	VNH 021	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2	5	0	5
63	VNH 022	Pháp luật du lịch	2	2	0
64	VNH 023	Xây dựng chương trình du lịch	2	1	1
8.2.2.2		TỰ CHỌN TÙY Ý	4	4	0
65	VNH 024	*Du lịch sinh thái*	2	2	0
66	VNH 025	*Kinh tế du lịch*	2	2	0
67	VNH 026	*Marketing du lịch*	2	2	0
68	VNH 022	Pháp luật du lịch	2	2	0
69	KHXH 002	*Khởi nghiệp kinh doanh*	2	2	0
70	VNH 402	Thực tập chuyên đề	3	0	3
8.2.3		**Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp**	**17**		
71	VNH 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
72	VNH 401	Khóa luận tốt nghiệp *(hoặc học thêm một số học phần chuyên môn sau)*	10	3	7
73	VNH 027	Văn hóa ẩm thực	2	2	0
74	VNH 030	Thực hành tổng hợp	5	0	5
75	VNH 031	Tổ chức sự kiện trong du lịch	3	1	2
		Tổng (Tín chỉ)	**153**		

9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN - CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x										x			
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x										x			
3.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x										x			
4.	CTRI 004	Triết học Mác-Lênin	x										x			
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x										x			
6.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	x										x			
7.	KHXH 015	Xã hội học đại cương			x								x			
8.	KHXH 014	Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt			x								x			
9.	TANH 021	Tiếng Anh giao tiếp 1		x								x	x			
10.	TANH 022	Tiếng Anh giao tiếp 2		x								x	x			
11.	TANH 023	Tiếng Anh giao tiếp 3		x								x	x			
12.	TTRUNG 009	Tiếng Trung giao tiếp 1		x								x	x			
13.	TTRUNG 010	Tiếng Trung giao tiếp 2		x								x	x			
14.	TTRUNG 004	Tiếng Trung giao tiếp 3		x								x	x			
15.	TINCB 001	Tin học cơ bản 1		x								x	x			
16.	TINCB 002	Tin học cơ bản 2		x								x	x			
17.	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh			x			x		x			x			x
18.	KHXH 003	Kỹ năng giao tiếp			x						x		x			
19.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học			x									x		x

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
20.	KHXH 017	Môi trường và phát triển			x				x				x		x	
21.	GDTC	Giáo dục thể chất	x										x			
22.	GDQPAN	Giáo dục quốc phòng và an ninh	x										x			
23.	KNM	Kỹ năng mềm														
24.	QTKD 002	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn			x				x	x			x	x		x
25.	TANH 007	Tiếng Anh nâng cao 1		x								x	x			
26.	TANH 008	Tiếng Anh nâng cao 2		x								x	x			
27.	TANH 017	Tiếng Anh du lịch 1		x								x	x			
28.	TANH 018	Tiếng Anh du lịch 2		x								x	x			
29.	TANH 019	Tiếng anh du lịch 3		x								x	x			
30.	TTRUNG 001	Tiếng Trung du lịch 1		x								x	x			
31.	TTRUNG 002	Tiếng Trung du lịch 2		x								x	x			
32.	TTRUNG 003	Tiếng Trung du lịch 3		x								x	x			
33.	TTRUNG 012	Tiếng Trung nâng cao 1		x								x	x			
34.	TTRUNG 013	Tiếng Trung nâng cao 2		x								x	x			
35.	VNH 029	Cơ sở văn hóa Việt Nam			x		x		x				x		x	
36.	VNH 002	Lịch sử tư tưởng Phương Đông và Việt Nam			x		x		x				x		x	
37.	VNH 003	Lịch sử văn minh thế giới			x		x		x				x		x	
38.	VNH 004	Nhập môn khu vực học			x			x					x			
39.	VNH 005	Tiến trình lịch sử Việt Nam			x		x		x				x		x	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
40.	VNH 006	Văn hóa Đông Nam Á			x				x				x			
41.	VNH 007	Văn học Việt Nam			x				x				x			
42.	VNH 008	Các dân tộc Việt Nam			x		x		x				x		x	
43.	VNH 009	Địa lý và tài nguyên du lịch			x		x		x				x	x		x
44.	VNH 010	Hệ thống di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam			x		x		x				x	x	x	
45.	VNH 011	Lễ hội Việt Nam			x				x				x		x	
46.	VNH 012	Nhập môn khoa học du lịch			x				x				x		x	x
47.	VNH 013	Nhiếp ảnh			x				x	x			x	x		
48.	VNH 014	Quy hoạch và phát triển du lịch			x		x		x				x	x	x	x
49.	VNH 015	Tâm lý du lịch			x		x		x				x			
50.	VNH 016	Tổ chức hoạt náo trong hoạt động du lịch					x	x	x	x	x		x	x	x	x
51.	VNH 017	Nghiệp vụ lữ hành				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
52.	VNH 018	Lý thuyết nghiệp vụ hướng dẫn du lịch				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
53.	VNH 019	Tuyến điểm du lịch					x	x	x	x			x	x	x	
54.	VNH 020	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
55.	VNH 021	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
56.	VNH 022	Pháp luật du lịch			x			x	x	x			x		x	x
57.	VNH 023	Xây dựng chương trình du lịch			x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
58.	VNH 024	Du lịch sinh thái			x			x	x	x	x		x		x	x

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
59.	VNH 025	Kinh tế du lịch			x		x	x	x	x	x		x			x
60.	VNH 026	Marketing du lịch			x		x	x	x	x	x		x			x
61.	VNH 402	Thực tập chuyên đề					x	x	x	x	x		x		x	
62.	VNH 403	Thực tập tốt nghiệp					x	x	x	x	x		x		x	
63.	VNH 401	Khóa luận tốt nghiệp														
64.	VNH 027	Văn hóa ẩm thực			x		x	x	x				x		x	
65.	VNH 030	Thực hành tổng hợp			x	x	x	x	x	x	x		x		x	x
66.	VNH 031	Tổ chức sự kiện trong du lịch			x	x	x	x	x	x	x		x		x	x
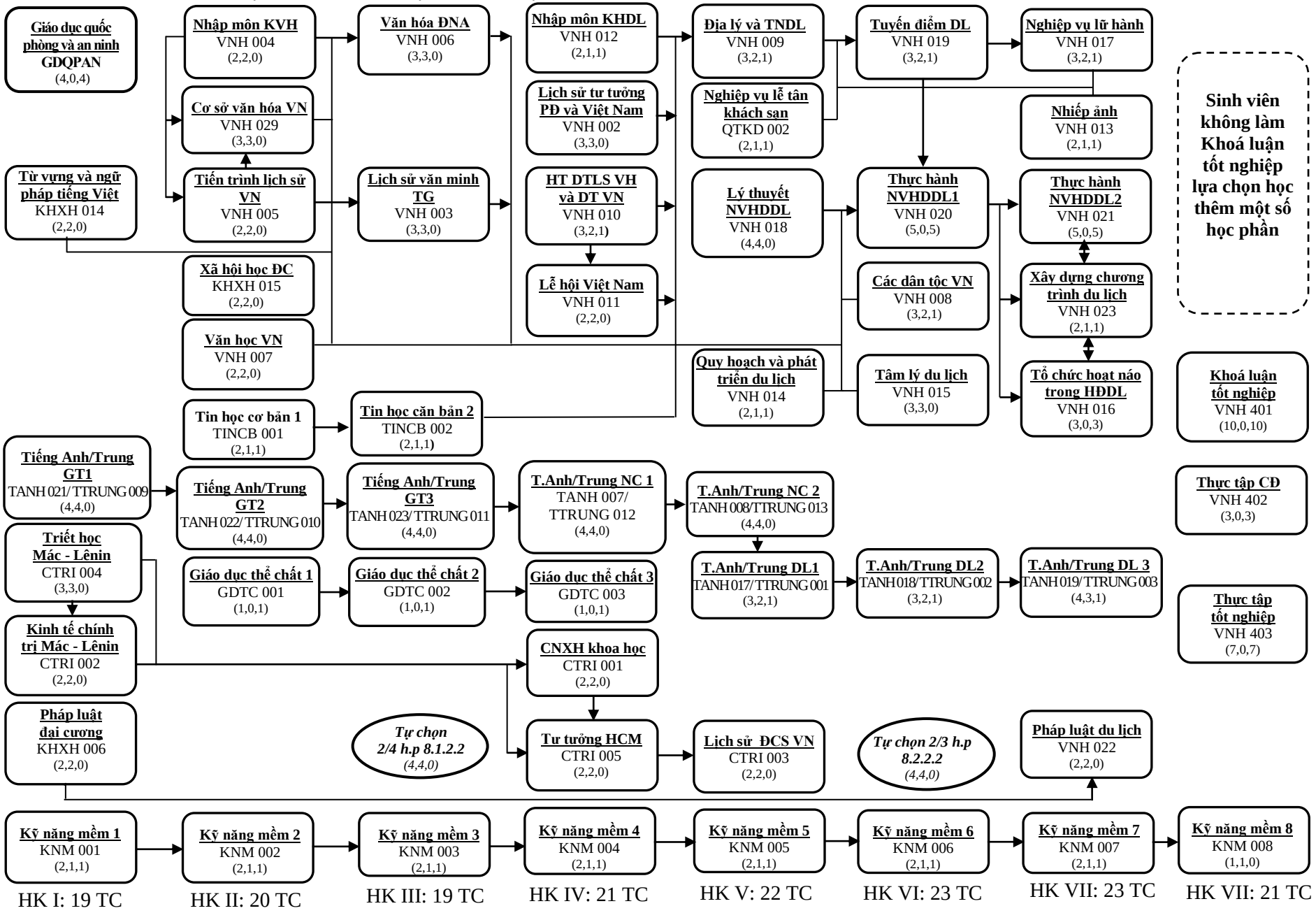
10. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO - NGÀNH VIỆT NAM HỌC